

Số: 14/2020/QĐST-HNGĐ

Cao Phong, ngày 10 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2020/TLST/HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: **Bùi Thị D** - Sinh năm: 1988

Bị đơn: **Bùi Văn T** - Sinh năm: 1979

Cùng trú tại: Xóm C - xã Y (nay là xã T) - huyện C - tỉnh H

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT huyện C:

Địa chỉ: Khu 2 - TT. Cao Phong - huyện Cao Phong - tỉnh Hòa Bình.

2. Ngân hàng chính sách huyện C, tỉnh H

Địa chỉ: Khu 2 - TT. Cao Phong - huyện Cao Phong - tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Có hai con chung cháu Bùi Thị S, sinh ngày 09/5/2008; cháu Bùi Việt H, sinh ngày 11/9/2012. Các đương sự thỏa thuận giao cháu Bùi Thị S, cho chị Bùi Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi; Giao cháu Bùi Việt H, cho anh Bùi Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Các bên chưa đưa ra yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. *Về tài sản chung*: Các đương sự tự thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận như sau:

- Anh Bùi Văn T được toàn quyền sử dụng và định đoạt 01 (một) ngôi nhà sàn trị giá khoảng 20.000.000đ, 01 (một) mảnh vườn keo tại xóm C, xã Y (nay là xã T) - huyện C - tỉnh H, 02 (hai) con trâu gồm một con trâu mẹ và một con trâu nghé trị giá khoảng 25.000.000đ.

2.4. *Các khoản vay nợ chung*: Các đương sự tự thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận như sau:

- Từ tháng 3 năm 2020 chị Bùi Thị D phải có trách nhiệm trả cho Chi nhánh Ngân hàng NN & PTNT huyện C số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu đồng) trả cho Ngân hàng chính sách huyện C số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu đồng) Tổng số nợ chị D phải trả là: **40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng)** và tiền lãi phát sinh cho đến khi tất toán hết số nợ.

- Từ tháng 3 năm 2020 anh Bùi Văn T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách huyện C số tiền 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi tất toán hết số nợ.

2.5 *Về án phí*: Chị Bùi Thị D tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000970 ngày 04/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Trả lại cho chị Bùi Thị D số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân CP;
- UBND TT nơi các DS cư trú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN**Nguyễn Thị Thu Hà**

